TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 10/01/2020
"V/v tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Đức Tâm
2. Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang – Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm: 1963; Địa chỉ: ấp Phong Hòa, xã Phong Mỹ, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà V:

Ông Huỳnh Minh T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Ấp 3, xã Hưng Phong, huyện G, tỉnh B (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2019).

- *Bị đơn*: Bà Lâm Thị H, sinh năm: 1972; Địa chỉ: ấp Phong Phú, xã Phong Mỹ, huyện G, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn Tr, sinh năm: 1970; Địa chỉ: ấp Phong Hòa, xã Phong Mỹ, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 25/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T trình bày:

Do quan hệ quen biết với nhau nên bà Lâm Thị H có tham gia chơi hụi do bà V làm chủ. Hụi khui ngày 15/7/2017 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, có 18 phần, bà H tham gia một phần. Ngày 15/8/2017 âm lịch bà H hốt hụi và bà V đã giao đủ tiền hụi cho bà H sau khi trừ tiền thảo là 11.900.000 đồng. Khi hốt hụi, bà H có ký tên vào danh sách hụi viên của bà V ghi để theo dõi hụi, bà H có ký tên "Hòa" vào cột ký tên của số thứ tự 18. Phía cuối danh sách có dòng chữ

"30/12.2019 trả 2.000.000" là do bà V ghi nhầm, thực tế là ngày 20/12/2018 bà H có trả cho bà V 2.000.000 đồng. Từ ngày hốt hụi cho đến hụi mãn lẽ ra hàng tháng bà H phải đóng cho bà V 1.000.000 đồng cho đến ngày mãn hụi là ngày 15/12/2018 âm lịch nhưng sau đó bà H đóng hụi không đầy đủ, bà H chỉ giao tiền hụi cho bà được 05 tháng với số tiền là 5.000.000 đồng, bà V không nhớ rõ ngày tháng giao tiền hụi. Như vậy tính đến ngày hụi mãn thì bà H còn nợ bà V 12 lần đóng hụi chết với số tiền là 12.000.000 đồng. Bà H tham gia chơi hụi để phục vụ làm ăn kinh tế chung của gia đình bà H nên chồng bà H là ông Võ Văn Tr phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả cho bà V số tiền nợ hụi này. Bà V đã nhiều lần đến gặp và yêu cầu bà H trả tiền nợ hụi cho bà V nhưng bà H nhiều lần né tránh.

Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà V, đã xâm phạm đến quyền lợi của bà V nên bà V nên nay bà V khởi kiện yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị H và ông Võ Văn Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền nợ hụi còn thiếu là 12.000.000 đồng, bà V không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo giấy theo dõi hụi ngày 15/7/2017 âl, bà H hốt hụi ngày 15/8/2017 và đã đóng được 4 lần: vào ngày 15/9/2017 đóng 1.000.000 đồng, vào ngày 18/7/2018 đóng 1.000.000 đồng , ngày 30/12/2018 đóng 2.000.000 đồng và lần sau đóng 1.000.000 đồng không nhớ ngày tháng. Do đó, số tiền còn thiếu lại của bà V là 11.000.000 đồng, yêu cầu bà H và ông Tr có trách nhiệm liên đới cho bà số tiền nợ hụi là 11.000.000 đồng, bà V không có yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng bà H vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện G đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 02 tháng 01 năm 2020, bà H, ông Tr vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay và đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà H và ông Tr vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Bà Lâm Thị H và ông Võ Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông Tr

- *Nội dung vụ án:* Do có quen biết với nhau nên giữa bà Nguyễn Thị Thu V và bà Lâm Thị H có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc cùng tham gia chơi hụi do bà V làm chủ hụi. Bà H tham gia chơi hụi với bà V một dây hụi, theo bà H thì dây hụi này đã thực hiện xong. Bà H hốt hụi nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi cho chủ hụi là bà V mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dây hụi mãn với tổng số tiền phải đóng hụi là 16.000.000 đồng. Bà V cho rằng bà H chỉ đóng cho bà được số tiền là 5.000.000 đồng, còn nợ lại 11.000.000

đồng. Khi tổ chức hụi bà V có lập một giấy tay để theo dõi hụi ghi cụ thể tên hụi viên, số tiền kêu hụi hàng tháng, ngày hốt hụi, số tiền hụi phải giao cho hụi viên và mỗi hụi viên khi hốt hụi hàng tháng có ký tên vào danh sách này. Theo giấy này thì bà H có số thứ tự là 18, bà H hốt hụi ngày 15/8/2017 với số tiền là 11.900.000 đồng và có chữ ký "Hòa" tại cột ký tên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy tay mà do bà V cung cấp thì bà H đã hốt hụi vào ngày 15/8/2017 âm lịch, các hụi viên khác khi hốt hụi cũng có ký tên đầy đủ vào giấy này. Số tiền hụi bà H hốt là 11.900.000 đồng bà H có ký tên nhận tiền. Tuy nhiên, giữa bà V và bà H cùng thực hiện việc giao kết thỏa thuận chơi hụi với nhau, mặc dù không có giấy tờ hợp đồng cụ thể nhưng hai bên đã tự nguyện giao kết và thực hiện được một thời gian. Lẽ ra, hàng tháng bà H phải thực hiện việc đóng hụi cho bà V với số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi hụi mãn ngày 15/12/2018 âm lịch, thời gian đóng hụi đến mãn dây hụi này còn lại là 16 tháng được trừ vào số tiền bà H đã trả choi bà V là 5.000.000 đồng, còn lại là 11.000.000 đồng, sau đó thì bà H không trả cho bà V khoản tiền nào khác.

Xét yêu cầu khởi kiện đòi lại số tiền nợ hụi của bà V yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả lại số tiền nợ hụi là 11.000.000 đồng là có căn cứ, do bà V nhiều lần đòi nợ bà H nhưng bà H không thực hiện việc trả nợ cho bà V. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà V theo hợp đồng đã thỏa thuận, xâm phạm đến quyền và lợi ích của bà V nên việc bà V khởi kiện yêu cầu bà H phải trả lại số tiền nợ hụi là 11.000.000 đồng là có cơ sở, xét yêu cầu của bà V là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc bà H vắng mặt: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, bà H đương nhiên từ bỏ quyền lợi trình bày của mình tại tòa và bà H đã tự bỏ quyền cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà, Hội đồng xét xử không thể xem xét yêu cầu của bà H được, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Xét về trách nhiệm liên đới: bà V yêu cầu ông Tr có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả cho bà V số tiền là 11.000.000 đồng nhưng bà V không cung cấp được chứng cứ chứng minh liên quan đến ông Tr. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng mặc dù việc tham gia chơi hụi và đóng hụi chỉ một mình bà H tham gia, ông Tr không có tham gia trong việc chơi hụi giữa bà V và bà H nhưng có yêu cầu buộc ông Tr có trách nhiệm liên đới với bà H trả số tiền cho bà V vì ông Tr và bà H hiện là vợ chồng đang sống chung và theo dân gian cũng như việc suy đoán về việc bà H hốt hụi về nhà để dùng trong sinh hoạt thiết yếu chung với gia đình, không thể có chứng cứ chứng minh. Do đó, yêu cầu của bà V buộc ông Tr có trách nhiệm liên đới là không có căn cứ chấp nhận được, cần buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà V số tiền hụi còn thiếu là 11.000.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: Bà V không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà V không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất.

Từ những phân tích trên, buộc bà Lâm Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền nợ hụi là 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng).*

Về án phí Buộc bà Lâm Thị H phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 550.000 đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng).*

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu V được chấp nhận nên bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007324 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu V về việc yêu cầu bà Lâm Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền nợ hụi là 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng).*

Bác yêu cầu của bà V về việc buộc ông Võ Văn Tr phải có trách nhiệm liên đới với bà H trả cho bà V số tiền nợ hụi là 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng).*

2. Buộc bà Lâm Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền là nợ hụi là 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lâm Thị H chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà Lâm Thị H còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền lãi số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lâm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 550.000 đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng).*

Hoàn lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007324 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh B.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn; các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền